

Bản án số: **16** /2023/DS-ST

Ngày: 21 - 03 - 2023

V/v tranh chấp: “ Hợp đồng vay tài sản

Và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Chiếu;

Ông Nguyễn Thanh Lâm;

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lan - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 03 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 107/2022/TLST – DS ngày 06 tháng 06 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Thượng Thị L, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện B, tỉnh E.

2. Bị đơn: Phạm Thị Thanh H1, sinh năm 1978 (Vắng)

Địa chỉ : Ấp 5, xã Th, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20/05/2022, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/01/2023, bản tự khai ngày 02/8/2022, và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Thượng Thị L trình bày:*

Vào năm 2022 bà có mua đất của bà Phạm Thị Thanh H1 có làm hợp đồng giấy tay, cụ thể

Lần 1: Ngày 26/01/2022 bà mua đất diện tích 2000m² giá 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) có trưởng ấp xác nhận. Bà đã giao số tiền ngày

26/1/2022 cho bà H1 là 50.000.000 đồng. Nhưng thực chất bà H1 cũng không giao đất và cũng không chuyển quyền sử dụng đất sang cho tôi.

Lần 2: Ngày 25/02/2022 mua đất diện tích 6800m² giá 35.000.000đồng/1000m² đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) có trưởng ấp xác nhận. Bà đã giao số tiền ngày 25/02/2022 cho bà H1 là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám nghìn đồng). Nhưng thực chất bà H1 cũng không giao đất và cũng không chuyển quyền sử dụng đất sang cho tôi.

Tổng hai lần tiền mua đất bà giao cho bà H1 là 238.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu đồng).

Vào ngày 20/05/2022 bà có làm đơn yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Thanh H1 phải trả lại số tiền bán đất cho tôi là 195.000.000 đồng và tiền vay là 59.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Nhưng nay vì L do chưa đủ chứng cứ bà thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ kiện đòi lại tiền mua đất của bà H1. Cụ thể bà thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ kiện đòi lại tiền mua đất của bà H1, buộc bà Phạm Thị Thanh H1 trả lại tôi số tiền mua đất là 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với số tiền mượn 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng) tiền vay bà rút yêu cầu khởi kiện vì không có chứng cứ.

* Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai cho bị đơn Phạm Thị Thanh H1 nhưng bà H1 vẫn vắng mặt không có L do nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Phạm Thị Thanh H1.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ L vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán về thời hạn tổng đạt thông báo thụ L vụ án cho đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 328, 117 Bộ luật dân sự 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thượng Thị L đối với Phạm Thị Thanh H1. Buộc Bà Phạm Thị Thanh H1 phải trả số tiền nợ cho bà Thượng Thị L là 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng). Ghi nhận bà Thượng Thị L không yêu cầu bà Phạm Thị Thanh H1 trả lãi suất của số tiền nêu trên. Đình chỉ yêu cầu của bà Thượng Thị L khởi kiện bà Phạm Thị Thanh H1 đối với số tiền 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Thượng Thị L khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thanh H1 trả cho chị số tiền mua đất là 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Giấy xác nhận của Công an xã Bình Thắng thì bà Phạm Thị Thanh H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 5 xã Bình Thắng, huyện B, tỉnh E nên Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

[3] *Về địa chỉ, nơi cư trú bị đơn:* Hiện tại bà Phạm Thị Thanh H1 không có sinh sống tại ấp 5 xã Bình Thắng, huyện B nhưng trong Hợp đồng mua bán đất ngày 26/01/2022, ngày 25/02/2022 bà H1 có ghi địa chỉ của bà H1 là ấp 5, xã Bình Thắng, huyện B, tỉnh E nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Bị đơn bà Phạm Thị Thanh H1 vắng mặt không có L do dù đã được triệu tập lần thứ hai. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà H1 là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[5] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thượng Thị L yêu cầu một mình bà Phạm Thị Thanh H1 phải trả số tiền mua đất là 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng).* Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Thượng Thị L khởi kiện căn cứ Hợp đồng mua bán đất ngày 26/01/2022, ngày 25/02/2022 để yêu cầu bà Phạm Thị Thanh H1 trả lại cho bà số tiền 238.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ L vụ án và thông báo các chứng cứ nêu trên cho bị đơn Phạm Thị Thanh H1 nhưng bà H1 không có ý kiến gì cũng không tham gia tố tụng điều đó chứng tỏ bà H1 đã từ bỏ quyền bác bỏ yêu cầu của người khác đối với mình theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời bà H1 không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà bà L đưa ra nên đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Hợp đồng mua bán đất ngày 26/01/2022, ngày 25/02/2022 giữa bà L và bà H1 có xác lập quan hệ mua đất với nhau tổng hai lần tiền mua đất bà L giao cho bà H1 là 238.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu đồng). Lần 1 ngày 26/01/2022 bà L mua đất của bà H1 diện tích 2000m² giá 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) có trưởng ấp xác nhận, bà L đã giao số tiền ngày

26/1/2022 cho bà H1 là 50.000.000 đồng. Lần 2 ngày 25/02/2022 mua đất diện tích 6800m² giá 35.000.000/1000m² đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) có trưởng ấp xác nhận. Bà L đã giao số tiền ngày 25/02/2022 cho bà H1 là 188.000.000 đồng. Tuy nhiên, về nội dung hợp đồng không ghi rõ chủ sở hữu và vị trí thửa đất mua bán; hình thức của hợp đồng không tuân thủ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 166 Luật đất đai. Bà H1 chưa giao đất cho bà L và chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà L nên hợp đồng chưa thực hiện được 2/3 hợp đồng theo Điều 129 Bộ luật dân sự. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Hợp đồng mua bán đất ngày 26/01/2022, ngày 25/02/2022 giữa bà L và bà H1 là vô hiệu. Căn cứ vào Điều 131 Bộ luật dân sự giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên bà Thượng Thị L chỉ yêu cầu bà H1 trả lại số tiền gốc 238.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu đồng) bà đã giao cho bà H1, ngoài ra không yêu cầu gì khác nên được chấp nhận. Buộc bà Phạm Thị Thanh H1 phải trả lại bà Thượng Thị L số tiền bán đất là 238.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu đồng). Ghi nhận bà Thượng Thị L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

[6] Bà Thượng Thị L rút yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Thanh H1 đối với số tiền mượn 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng) vì không có chứng cứ. Đây là sự tự nguyện của bà L nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị Thanh H1 phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Thượng Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 72, 92, 147, 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 166 Luật đất đai 2013

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Căn cứ Điều 12 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thượng Thị L đối với bà Phạm Thị Thanh H1 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

2. Buộc bà Phạm Thị Thanh H1 phải có nghĩa vụ trả cho Thượng Thị L số tiền mua bán đất là 238.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu đồng).

Ghi nhận bà Thượng Thị L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Thượng Thị L đối với bà Phạm Thị Thanh H1 về số tiền mượn 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Phạm Thị Thanh H1 phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Thượng Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Phạm Thị Thanh H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương